TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tuyến

Ông Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương X, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Q, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2017, bản tự khai, nguyên đơn là anh Trương X trình bày: Anh và bị đơn là chị Lê Q tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh và chị Q đã sống ly thân đến nay khoảng 06 năm. Nay anh X nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và không thể sống chung được nữa nên anh quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

Trong quá trình chung sống, anh và chị Q có 01 con chung là Trương T, sinh ngày 27/5/2009. Hiện tại, cháu T đang sống chung với anh X. Anh X yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Anh X khai anh và chị Q không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng chị Q đều vắng mặt.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Q vẫn vắng mặt, anh X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa được mở lại vào ngày 26/10/2017, chị Q vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Anh Trương X là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Lê Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh X, chị Q.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương X và chị Lê Q tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh X và chị Q được coi là hợp pháp.

Theo anh X trình bày thì trong quá trình sống chung, anh X và chị Q thường bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị Q tự ý về nhà mẹ ruột sống, bỏ mặc gia đình. Anh chị đã sống ly thân đến nay khoảng 06 năm. Do anh X không còn tình cảm vợ chồng với chị Q nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

Tòa án đã tiến hành thông báo, tổ chức các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, chị Q đã bỏ mặc không tham gia. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng chị Q đã không có một ý kiến, bỏ mặc cho anh X tự giải quyết, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của anh chị để kéo dài đời sống chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh X và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh X để giải quyết cho anh X được ly hôn với chị Q.

[3]. *Về con chung:* Anh X và chị Q có 01 con chung là Trương T, sinh ngày 27/5/2009, hiện đang sống chung với anh X. Chị Q không có ý kiến về việc có yêu cầu nuôi con sau ly hôn hay không. Anh X yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, Tòa án nhận thấy trước nay cháu T sống với anh X, anh X nuôi con vẫn đảm bảo tốt cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và bảo đảm việc học hành cho con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Q không trực tiếp nuôi con nhưng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do anh X không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh X khai anh và chị Q không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Toà án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp là 300.000đ. Anh X đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trương X được ly hôn với chị Lê Q.

2. *Về con chung:* Anh Trương X và chị Lê Q có 01 người con chung là Trương T, sinh ngày 27/5/2009. Anh X được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc anh X không yêu cầu chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T.

Chị Lê Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Q thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận việc anh X khai anh và chị Q không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Trương X phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011062 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; anh X đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Mỹ Chánh;
huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.